

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên

HIỆU TRƯỞNG CAO ĐẲNG Y TẾ THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND, ngày 12/04/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy biên chế và cán bộ, công chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-CDYT, ngày 10/07/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên của Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa (*Có quy định kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị Tổ chức - Hành chính, Quản lý Đào tạo, Tài chính - Kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu TCHC, QLĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Mai Văn Bảy

QUY ĐỊNH

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYT, ngày /11/2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy gồm: chuẩn bị giảng dạy; thực hiện giảng dạy; kiểm tra định kỳ kết quả học tập của môn học.

2. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a. Một giờ lý thuyết là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

b. Một giờ dạy tích hợp (kết hợp cả lý thuyết và thực hành) là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn;

c. Một giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng được xác định là số giờ chuẩn cho mỗi nhà giáo phải giảng dạy, được quy định theo năm học.

4. Quy mô lớp học: Lớp học lý thuyết không quá 35 học viên, học sinh, sinh viên. Lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 học viên, học sinh, sinh viên. Hiệu trưởng quyết định số học viên, học sinh, sinh viên cụ thể của lớp học, đảm bảo phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nghề.

II. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ GIÁO

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:

a. Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy môn học được phân công;

b. Giảng dạy môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

c. Đánh giá kết quả học tập của học viên, học sinh, sinh viên gồm: Soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.

2. Coi thi, kiểm tra, đánh giá kết thúc môn học; chấm thi tuyển sinh; chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, đánh giá chuyên đề, báo cáo thực tập tốt nghiệp; đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên, học sinh, sinh viên.

3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định.

4. Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực địa; luyện thi cho học viên, học sinh, sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp.

5. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, ngân hàng câu hỏi thi; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung môn học được phân công giảng dạy.

6. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp.

7. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học viên, học sinh, sinh viên.

8. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.

9. Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của trường, bộ môn.

10. Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học viên, học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

11. Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia công tác quản lý đào tạo.

12. Đối với nhà giáo bộ môn lâm sàng còn phải tham gia công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện được phân công.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

III. QUY ĐỊNH THỜI GIAN LÀM VIỆC, THỜI GIAN NGHỈ HÀNG NĂM

1. Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:

a. Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, sinh viên: 32 tuần;

b. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao: 04 tuần;

c. Nghiên cứu khoa học: 08 tuần;

d. Trường hợp nhà giáo không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng

trong năm học 48 giờ. Trường hợp nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá 04 tuần thì được tính giờ theo tỉ lệ tương đương.

e. Trường hợp nhà giáo sử dụng không hết thời gian để nghiên cứu khoa học theo quy định thì số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học 96 giờ.

2. Thời gian nghỉ hằng năm của nhà giáo là 08 tuần, của viên chức quản lý có tham gia giảng dạy là 06 tuần, bao gồm nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ, trong đó:

a. Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép hằng năm, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có).

b. Các chế độ nghỉ khác nhau thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ bố trí cho nhà giáo nghỉ vào thời gian thích hợp.

IV. ĐỊNH MỨC GIỜ GIẢNG

1. Định mức giờ giảng của nhà giáo dạy các môn học chung trong một năm học là 450 giờ chuẩn.

2. Định mức giờ giảng của nhà giáo giảng dạy các môn học khác trong 1 năm học là 380 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng cho công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy nhằm nắm được nội dung, chương trình đào tạo và quá trình học tập của học viên, học sinh, sinh viên để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo được quy định như sau:

a. Hiệu trưởng: 30 giờ chuẩn/năm;

b. Phó hiệu trưởng: 40 giờ chuẩn/năm;

c. Trưởng phòng và tương đương: 60 giờ chuẩn/năm;

d. Phó trưởng phòng và tương đương: 70 giờ chuẩn/năm;

e. Viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ về đào tạo; quản lý học viên, học sinh, sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng: 80 giờ chuẩn/năm.

4. Viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ khác đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng có thể ký hợp đồng giảng dạy nếu có nhu cầu.

V. CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN CHO NHÀ GIÁO KIÊM NHIỆM

1. Tỷ lệ được giảm định mức giờ chuẩn cho nhà giáo làm công tác quản lý.

TT	Chức vụ kiêm nhiệm	Giảm ĐMGC
1.	Trưởng bộ môn	20%
2.	Phó Trưởng bộ môn	15%
3.	Giáo vụ bộ môn	15%
4.	Cố vấn học tập/ Giáo viên chủ nhiệm lớp 1 lớp/ năm học	15%
5.	Cố vấn học tập/ Giáo viên chủ nhiệm lớp từ 2 lớp trở lên/ năm học.	20%
6.	Thủ kho bộ môn	15%
7.	Phụ trách thư viện	15%

2. Tỷ lệ được giảm định mức giờ chuẩn cho nhà giáo làm công tác Đảng, đoàn thể:

TT	Chức vụ kiêm nhiệm	Giảm ĐMGC
1.	Bí thư đảng ủy	30%
2.	Phó bí thư Đảng ủy	20%
3.	Chủ tịch Hội sinh viên	40%
4.	Phó chủ tịch hội sinh viên	30%
5.	Bí thư Đoàn TNCS không có chuyên trách	50%
6.	Phó Bí thư Đoàn TNCS,	40%
7.	Chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn trường không chuyên trách	44 giờ
8.	Chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn bộ phận	22 giờ

* Nhà giáo kiêm nhiều chức vụ chỉ được giảm định mức giờ giảng ở mức cao nhất.

3. Không giảm trừ giờ giảng đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban.

4. Chế độ giảm giờ với các nhà giáo khác:

a. Nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá thời gian quy định được giảm 12 giờ/1 tuần học tập, bồi dưỡng; (Với nhà giáo giảng các môn chung được giảm 14 giờ/ 1 tuần học tập, bồi dưỡng);

b. Nhà giáo trong thời gian tập sự được giảm 30% định mức giờ giảng;

c. Nhà giáo là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng;

d. Nhà giáo trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỉ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy.

VI. QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN KHÁC RA GIỜ CHUẨN

1. Giảng dạy

a. Trường hợp các môn học chung cần thiết phải ghép lớp: Đối với lớp học có trên 35 học viên, học sinh, sinh viên thì 01 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn; đối với lớp học có trên 50 học viên, học sinh, sinh viên nhưng tối đa không quá 60 học viên, học sinh, sinh viên thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn; đối với lớp học có trên 50 học viên, học sinh, sinh viên môn giáo dục quốc phòng an ninh thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn;

b. Hoạt động giảng, coi thi ngày thứ 7, chủ nhật quy định như sau:

Giảng dạy, coi thi các lớp tại Huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hoá được tính hệ số 1,5.

Giảng dạy, coi thi các lớp tại Trường và các Huyện đồng bằng được tính hệ số 1,2.

Giảng dạy, coi thi các lớp tại các Huyện còn lại được tính hệ số 1,3.

Tham gia đi Lâm sàng, quản lý, giảng cho sinh viên ngày thứ 7, chủ nhật được nhân hệ số 1,2.

c. Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp (cấp tổ môn trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn; Hiệu trưởng căn cứ điều kiện cụ thể để quy định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp;

d. Giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo khác trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 01 giờ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

e. Đối với nhà giáo giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của nhà trường được tính là thời gian giảng dạy. Việc quy đổi ra giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy được thực hiện như mục d khoản 1 phần VI.

2. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc môn học:

a. Soạn đề thi: 01 đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 01 giờ chuẩn; 01 đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn; 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,25 giờ chuẩn; 01 đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;

b. Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn; Coi thi trắc nghiệm 1 ca được tính bằng 0,5 giờ chuẩn.

c. Chấm thi: Thi viết tự luận, thi trắc nghiệm, thi thực hành trên máy tính được tính 0,1 giờ chuẩn/bài; thi vấn đáp được tính 0,2 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên.

3. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp:

a. Soạn đề thi: 01 đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn; 01 đề trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2,5 giờ chuẩn; 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn; 01 đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

b. Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;

c. Chấm thi: Thi viết tự luận, trắc nghiệm được tính 0,2 giờ chuẩn/bài; thi vấn đáp được 0,4 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên; thi thực hành được tính 0,4 giờ chuẩn/học viên, học sinh, sinh viên.

4. Hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có): được tính là 15 giờ chuẩn/chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) được tính là 0,5 giờ chuẩn/chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

5. Hướng dẫn thực tập lâm sàng, thực địa: 1 buổi (4 giờ làm việc) được tính như sau:

+ Tham gia lâm sàng khi không có SV thực tập: 1 buổi được tính 1 giờ chuẩn.

+ Tham gia lâm sàng khi có sinh viên thực tập: được tính 2 tiết chuẩn.

+ Thực địa hướng dẫn SV: 1 buổi được tính 2 giờ chuẩn

+ Đi quản lý, giảng cho sinh viên khi đi thực tập tốt nghiệp theo lịch: 1 buổi được tính 2 giờ chuẩn.

6. Bồi dưỡng cho nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp: cho học viên, học sinh, sinh viên tham gia kỳ thi tay nghề các cấp: 01 giờ luyện tập được tính là 1,5 giờ chuẩn.

7. Hoạt động khoa học: Theo quy định về quy đổi các hoạt động khoa học ra giờ chuẩn.

8. Tham gia công tác chuyên môn tại trung tâm lâm sàng: 1 buổi (= 4 giờ làm việc) tính bằng 2 giờ chuẩn.

9. Hiệu trưởng quy định việc quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác ra giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy cho nhà giáo.

VII. NGUYÊN TẮC THANH TOÁN VƯỢT GIỜ

1. Thanh toán vượt giờ, tính khối lượng hoàn thành công việc trong năm học theo đơn vị bộ môn, đối với các môn ghép tính theo nhóm ngành chuyên môn.

2. Các bộ môn cần phân lao động đồng đều, sao cho số giờ quy đổi của mỗi cán bộ không vượt quá 200% định mức công tác giảng dạy, nếu vượt quá thì chỉ được thanh toán 50% số giờ tăng thêm. Trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng. Cuối mỗi tuần, từng cá nhân, bộ môn báo cáo kết quả thực hiện khối lượng công tác trong tuần để làm cơ sở thanh toán vượt giờ theo quy định của nhà trường. Báo cáo kết quả thực hiện khối lượng công tác phải được xác nhận của Phòng Quản lý Đào tạo trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt thanh toán.

3. Căn cứ chế độ lao động tại quy định này, ngay từ đầu năm học các bộ môn và các phòng ban lập kế hoạch phân công lao động cho giáo viên của bộ môn, giáo viên kiêm nhiệm và giáo viên thỉnh giảng. Trên cơ sở đó, Nhà trường có căn cứ thanh toán tiền vượt giờ cho cán bộ, giáo viên.

4. Đối với nhà giáo: Số giờ dạy vượt không vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

5. Đối với công chức, viên chức quản lý, viên chức các phòng, ban, tổ chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy: số giờ dạy không vượt quá 1/2 định mức giờ giảng quy định tại quy định này.

6. Quy định này áp dụng từ năm học 2019 - 2020. Các văn bản trái với Quy định này thì không có giá trị. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến đến từng cán bộ, giáo viên thuộc đơn vị quản lý. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các đơn vị kịp thời báo cáo Hiệu trưởng xem xét.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Văn Bảy